



## **Quỹ ETF VFMVN30**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày  
18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Thông tin chung**

**Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

52/GCN-UBCK cấp ngày 4 tháng 7 năm 2014

**Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ**

375/QĐ-SGDHCM cấp ngày 29 tháng 9 năm 2014

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

14/GCN-UBCK cấp ngày 18 tháng 9 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở được cấp với thời gian hoạt động không giới hạn.

Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ được cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ban Đại Diện Quỹ**

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1701-04  
Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngõ Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính của Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”) được lập và trình bày theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, mà các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giá định hoạt động liên tục trừ phi giá định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính của Quỹ được lập và trình bày theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ 



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

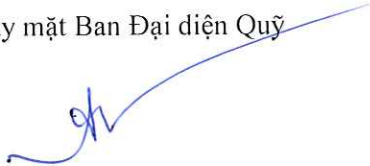
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

**Quỹ ETF VFMVN30**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho các nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  
*Chủ tịch*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015





**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF VFMVN30**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo về việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Báo cáo tài chính này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ theo như trách nhiệm và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định trong Điều lệ Quỹ và các quy định hiện hành.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ ETF VFMVN30 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 phù hợp với Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động số: 4114000230

Báo cáo Kiểm toán số: 14-01-598



Chang Huong Chien

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015



**Quỹ ETF VFMVN30**

**Báo cáo thu nhập cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu B01 - QM**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>(13.979.536.067)</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	12	12.201.507.600
1.2	Tiền lãi được nhận	03	12	133.333
1.3	Lỗ từ bán các khoản đầu tư	04	13	(2.642.700.203)
1.4	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	14	(23.538.476.797)
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>16.157.323</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	15	16.157.323
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ</b>	<b>20</b>		<b>817.188.854</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	19	381.328.417
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	16	61.558.442
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	19	49.096.696
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	19	49.096.696
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		18.883.331
3.6	Chi phí họp, Đại hội Quỹ	20.7		24.970.000
3.7	Chi phí kiểm toán	20.8		82.500.000
3.8	Chi phí hoạt động khác	20.10	17	149.755.272
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)</b>	<b>23</b>		<b>(14.812.882.244)</b>
<b>V</b>	<b>LỖ TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>(14.812.882.244)</b>
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		8.725.594.553
5.2	Lỗ chưa thực hiện	32		(23.538.476.797)
<b>VI</b>	<b>LỖ THUẬN TRONG KỲ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>(14.812.882.244)</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2015



Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

Bà Lê Sỹ Hoàng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B02 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>876.588.148</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		376.588.148
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		500.000.000
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>187.506.904.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121		187.506.904.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>69.621.333</b>
3.1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		69.488.000
3.1.1	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136		69.488.000
3.2	Các khoản phải thu khác	137		133.333
	<b>TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>188.453.113.481</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
1	Chi phí phải trả	316	7	157.440.884
2	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	8	166.819.668
3	Phải trả, phải nộp khác	320	9	30.000.000
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 316 + 319 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>354.260.552</b>
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>188.098.852.929</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>10</b>	<b>202.000.000.000</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		243.000.000.000
1.2	Vốn góp hoán đổi lại	413		(41.000.000.000)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>10</b>	<b>911.735.173</b>
<b>3</b>	<b>Lỗ lũy kế</b>	<b>420</b>	<b>11</b>	<b>(14.812.882.244)</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>18</b>	<b>9.311,82</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

*Handwritten signature*

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 - QM**

**V CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004		20.200.000

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

Bà Lê Sy Hoàng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc



## Quỹ ETF VFMVN30

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03 - QM

STT	Chỉ tiêu	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu kỳ	202.000.000.000
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong kỳ	(14.812.882.244)
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(14.812.882.244)
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	911.735.173
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	41.275.303.671
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	(40.363.568.498)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)	188.098.852.929

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

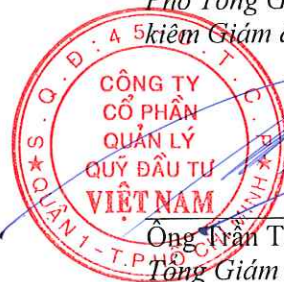
Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)



Bà Lê Sỹ Hoàng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu B04 - QM**

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2014 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết</b>	<b>6.581.160</b>		<b>187.506.904.000</b>	<b>99,50%</b>
1	BVH	62.620	32.000	2.003.840.000	1,06%
2	CII	52.520	20.300	1.066.156.000	0,57%
3	CSM	30.300	43.000	1.302.900.000	0,69%
4	CTG	341.380	13.800	4.711.044.000	2,50%
5	DPM	139.380	30.800	4.292.904.000	2,28%
6	DRC	38.380	56.000	2.149.280.000	1,14%
7	EIB	787.800	12.800	10.083.840.000	5,35%
8	FLC	256.540	10.900	2.796.286.000	1,48%
9	FPT	252.500	48.000	12.120.000.000	6,43%
10	GMD	90.900	28.900	2.627.010.000	1,39%
11	HAG	325.220	22.100	7.187.362.000	3,81%
12	HCM	46.460	31.200	1.449.552.000	0,77%
13	HPG	264.620	53.000	14.024.860.000	7,44%
14	HSG	44.440	47.500	2.110.900.000	1,12%
15	IJC	62.620	13.500	845.370.000	0,45%
16	ITA	327.240	8.000	2.617.920.000	1,39%
17	KDC	139.380	49.900	6.955.062.000	3,69%
18	MBB	581.760	13.100	7.621.056.000	4,04%
19	MSN	214.120	83.000	17.771.960.000	9,43%
20	OGC	109.080	7.100	774.468.000	0,41%
21	PPC	86.860	26.400	2.293.104.000	1,22%
22	PVD	125.240	64.500	8.077.980.000	4,29%
23	PVT	82.820	14.000	1.159.480.000	0,62%
24	REE	157.560	28.200	4.443.192.000	2,36%
25	SSI	191.900	27.500	5.277.250.000	2,80%
26	STB	836.280	18.000	15.053.040.000	7,99%
27	VCB	244.420	31.900	7.796.998.000	4,14%
28	VIC	434.300	47.700	20.716.110.000	10,99%
29	VNM	179.780	95.500	17.168.990.000	9,11%
30	VSH	74.740	13.500	1.008.990.000	0,54%

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

*Handwritten signature*

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B04 - QM**

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày	Tỷ lệ %/Tổng giá trị
		31/12/2014 VND	tài sản của Quỹ VND
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>	<b>69.621.333</b>	<b>0,04%</b>
1	Dự thu cô tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	69.621.333	0,04%
<b>III</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>876.588.148</b>	<b>0,46%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	376.588.148	0,20%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	500.000.000	0,26%
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>	<b>188.453.113.481</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)



Bà Lê Sy Hoàng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Quỹ ETF VFMVN30****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B05 - QM**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1	Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(14.812.882.244)
2	Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		23.538.476.797
	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	04		23.538.476.797
3	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		(9.233.063.578)
	Tăng các khoản đầu tư	06		(9.517.702.797)
	Tăng phải thu tiền lãi, cổ tức các khoản đầu tư	07		(69.621.333)
	Tăng phải trả, phải nộp khác	16		187.440.884
	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		166.819.668
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (19 = 01 + 02 + 05)</b>	<b>19</b>		<b>(507.469.025)</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31		1.553.011.671
2	Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	32		(168.954.498)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (30 = 31 + 32)</b>	<b>30</b>		<b>1.384.057.173</b>
<b>III</b>	<b>TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ (40 = 19 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>876.588.148</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*



**Quỹ ETF VFMVN30**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B05 - QM**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
IV	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	50		-
V	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	55	4	876.588.148
	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	56		
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		376.588.148
	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	58		500.000.000
VI	<b>CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ (60 = 55 – 50)</b>	60		<b>876.588.148</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)



Bà Lê Sỹ Hoàng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B06 - QM

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Thông tin về Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 52/GCN-UBCK vào ngày 4 tháng 7 năm 2014. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng của Quỹ, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương 50 lô chứng chỉ quỹ (một lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ). Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp là 202.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương 20.200.000 chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 375/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 30 tháng 5 năm 2014 và sửa đổi bổ sung ngày 6 tháng 10 năm 2014 và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số VN30, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

## Quỹ ETF VFMVN30

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- Quỹ không được đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi một Công ty quản lý quỹ, cá nhân có liên quan đến công ty quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu; và
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được định giá hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, tầng 17, tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các chính sách kế toán trình bày sau đây được Quỹ áp dụng nhất quán trong kỳ.

### (c) Kỳ kế toán năm

Báo cáo tài chính này cho kỳ tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2014, là ngày Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

#### (b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, và được đánh giá lại tại ngày của báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp xác định giá trị nêu tại mục 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

##### (i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

##### (ii) Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Quỹ ghi nhận danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày báo cáo tình hình tài chính.



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### (iii) *Xác định giá trị*

Theo Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ, hoặc sổ tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày của báo cáo tình hình tài chính theo Điều lệ Quỹ như sau:

#### *Trái phiếu*

- Trái phiếu niêm yết
  - Giá yết hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch), trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (chi tiết trong Sổ tay định giá);
    - + Giá mua cộng lãi lũy kế;
    - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu không niêm yết được định giá bằng giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá bằng giá mua.

#### *Cổ phiếu*

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội
  - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
    - + Giá mua; hoặc
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.



## **Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

### ***Chứng khoán phái sinh***

- Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại vào ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên theo giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

### ***(iv) Chấm dứt ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

### ***(d) Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu bao gồm phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ chứng khoán bị hạn chế và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế/cá nhân đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

### *Thời gian quá hạn*

### *Mức trích lập dự phòng*

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

---

Đối với các khoản nợ quá hạn, Quỹ cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Quỹ sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi phát sinh được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

### **(e) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả dịch vụ quản lý Quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ chứng khoán bị hạn chế và chi phí phải trả khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

### **(f) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### (g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

### (i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

### **(ii) Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



## **Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

### **(h) Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia các giao dịch với Quỹ như sau:

#### ***Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư***

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

#### ***Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho nhà nước.

### **(i) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ**

#### ***(i) Vốn góp phát hành***

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam, một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và làm tròn xuống tới số hạng thứ hai (2) sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### (ii) *Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại là khoản vốn góp từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

### (iii) *Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi với mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

### (iv) *Phân phối thu nhập của Quỹ*

Theo Điều lệ của Quỹ, Quỹ sẽ thực hiện phân phối cổ tức cho nhà đầu tư khi Đại hội nhà đầu tư thông qua. Việc phân phối thu nhập của Quỹ phải đảm bảo nguyên tắc và điều kiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Quỹ.

### (j) *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

#### (i) *Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức*

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập.

#### (ii) *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### (k) *Chi phí*

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích.

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

**(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên mỗi lô chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị tài sản ròng trên mỗi lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

**(m) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

**(n) Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán được xem là các bên liên quan với Quỹ.

**(o) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2014 VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	376.588.148
<b>Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng</b>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	500.000.000
	<hr/>
	876.588.148
	<hr/>

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống kể từ ngày giao dịch. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất trong kỳ là 4,8% một năm.



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### 5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và chưa niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2014 VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập)		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2014 VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Các khoản đầu tư Cổ phiếu niêm yết	211.045.380.797	187.506.904.000	2.283.767.614	(25.822.244.411)	187.506.904.000

**Quỹ ETF VFMVN30****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B06 - QM****6. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Dự thu cổ tức	69.488.000
Dự thu lãi tiền gửi	133.333
	<hr/>
	<b>69.621.333</b> <hr/>

**7. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Phải trả phí kiểm toán	82.500.000
Phải trả phí hợp đại hội	24.970.000
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	5.625.000
Phải trả phí báo cáo thường niên	44.345.884
	<hr/>
	<b>157.440.884</b> <hr/>

**8. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Phải trả phí quản lý Quỹ	103.336.303
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	14.300.017
Phải trả phí giám sát Quỹ	14.300.017
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	16.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	18.883.331
	<hr/>
	<b>166.819.668</b> <hr/>

**9. Phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>
Phải trả phí thiết lập Quỹ ban đầu	30.000.000
	<hr/>

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

**10. Vốn góp của nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 14/GCN-UBCK, vốn điều lệ của quỹ là 202.000.000.000 Đồng Việt Nam tương ứng với 20.200.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 18/9/2014 (ngày thành lập)	Phát sinh trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng CCQ (1)	CCQ	20.200.000	4.100.000	24.300.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	202.000.000.000	41.000.000.000	243.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	-	275.303.671	275.303.671
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	202.000.000.000	41.275.303.671	41.275.303.671
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng CCQ (5)	CCQ	-	4.100.000	4.100.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	-	(41.000.000.000)	(41.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7)	VND	-	636.431.502	636.431.502
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	-	(40.363.568.498)	(40.363.568.498)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (9) = (1) - (5)</b>	CCQ	20.200.000	-	20.200.000
<b>Giá trị vốn góp hiện hành (10) = (4) - (8)</b>	VND	202.000.000.000	911.735.173	202.911.735.173
<b>Lỗ lũy kế (11)</b>	VND	-	(14.812.882.244)	(14.812.882.244)
<b>NAV hiện hành (12) = (10) + (11)</b>	VND	202.000.000.000		188.098.852.929
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (13) = (12)/(9)</b>	VND/CCQ	10.000,00		9.311,82
<b>NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (14) = (13)*100.000 CCQ</b>	NAV/ Lô CCQ	1.000.000.000		931.182.000



**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

**11. Lỗ lũy kế**

	<b>Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND</b>
Lỗ lũy kế đầu kỳ	-
Lỗ thuần trong kỳ	(14.812.882.244)
Trong đó	
<i>Lợi nhuận đã thực hiện và chưa phân phối</i>	8.725.594.553
<i>Lỗ chưa thực hiện</i>	(23.538.476.797)
	<hr/>
Lỗ lũy kế cuối kỳ	(14.812.882.244)
	<hr/> <hr/>

**12. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	<b>Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND</b>
Cổ tức phát sinh trong kỳ	
<i>Cổ tức đã nhận</i>	12.132.019.600
<i>Dự thu cổ tức</i>	69.488.000
Tiền lãi phát sinh trong kỳ	
<i>Tiền lãi đã nhận</i>	-
<i>Dự thu lãi</i>	133.333
	<hr/>
	12.201.640.933
	<hr/> <hr/>

**13. Lỗ từ bán các khoản đầu tư**

	<b>Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND</b>
Lỗ từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán (*)	(2.647.586.203)
Lãi từ các khoản đầu tư do Quỹ mua hộ chứng khoán cho các Nhà đầu tư	4.886.000
	<hr/>
	(2.642.700.203)
	<hr/> <hr/>

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

(\*) Lỗ từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán bao gồm:

Danh mục các khoản đầu tư	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014		
	Tổng giá trị hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tại ngày 31/12/2014 VND [2]	Lỗ hoán đổi chứng khoán trong kỳ VND [3] = [1] - [2]
Cổ phiếu niêm yết	40.194.614.000	42.842.200.203	(2.647.586.203)

#### 14. Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Danh mục các khoản đầu tư	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014		
	Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2014 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại ngày 31/12/2014 VND [3] = [2] - [1]
Cổ phiếu niêm yết	211.045.380.797	187.506.904.000	(23.538.476.797)

#### 15. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Chi phí môi giới, giao dịch mua/bán các cổ phiếu	16.157.323

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

**16. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

**Từ ngày 18/9/2014  
đến ngày 31/12/2014  
VND**

Phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 19)	54.933.331
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 19)	500.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	6.125.111
	<hr/>
	61.558.442
	<hr/> <hr/>

**17. Chi phí hoạt động khác**

**Từ ngày 18/9/2014  
đến ngày 31/12/2014  
VND**

Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 19)	14.625.000
Chi phí hoạt động khác	135.130.272
Trong đó:	
<i>Phí niêm yết, phí đăng ký chứng khoán lần đầu</i>	<i>35.505.000</i>
<i>Phí thiết lập Quỹ chứng khoán lần đầu</i>	<i>45.000.000</i>
<i>Phí quản lý thường niên phải trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</i>	<i>5.000.000</i>
<i>Phí ngân hàng</i>	<i>659.388</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>48.965.884</i>
	<hr/>
	149.755.272
	<hr/> <hr/>

*wh*



**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

**18. Giá trị tài sản ròng**

STT	Kỳ tính NAV	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014			+/- tăng/ (giảm) NAV/ICCG
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	Ngày 18 Tháng 9	205.493.420.038	20.200.000	10.172,94	-
2	Ngày 19 Tháng 9	204.112.131.475	20.200.000	10.104,56	(68,38)
3	Ngày 22 Tháng 9	203.677.776.040	20.200.000	10.083,05	(21,51)
4	Ngày 23 Tháng 9	205.255.282.319	20.200.000	10.161,15	78,10
5	Ngày 24 Tháng 9	204.462.957.432	20.200.000	10.121,92	(39,23)
6	Ngày 25 Tháng 9	203.932.859.662	20.200.000	10.095,68	(26,24)
7	Ngày 26 Tháng 9	202.855.534.697	20.200.000	10.042,35	(53,33)
8	Ngày 28 Tháng 9	202.844.969.716	20.200.000	10.041,83	(0,52)
9	Ngày 29 Tháng 9	201.268.124.658	20.200.000	9.963,76	(78,07)
10	Ngày 30 Tháng 9	201.684.541.741	20.200.000	9.984,38	20,62
11	Ngày 1 Tháng 10	204.869.066.645	20.200.000	10.142,03	157,65
12	Ngày 2 Tháng 10	206.292.320.725	20.200.000	10.212,49	70,46
13	Ngày 3 Tháng 10	206.165.227.068	20.200.000	10.206,19	(6,30)
14	Ngày 5 tháng 10	206.154.651.951	20.200.000	10.205,67	0,52
15	Ngày 6 Tháng 10	207.141.166.914	20.200.000	10.254,51	48,84
16	Ngày 7 Tháng 10	206.116.386.127	20.200.000	10.203,78	(50,73)
17	Ngày 8 Tháng 10	206.057.166.395	20.200.000	10.200,84	(2,94)
18	Ngày 9 Tháng 10	221.748.792.354	21.800.000	10.171,96	(28,88)
19	Ngày 10 Tháng 10	219.931.679.537	21.800.000	10.088,60	(83,36)
20	Ngày 12 Tháng 10	219.920.614.108	21.800.000	10.088,10	(0,50)
21	Ngày 13 Tháng 10	219.691.771.209	21.800.000	10.077,60	(10,50)
22	Ngày 14 Tháng 10	216.343.333.037	21.800.000	9.924,00	(153,60)
23	Ngày 15 Tháng 10	216.488.714.976	21.800.000	9.930,67	6,67
24	Ngày 16 Tháng 10	209.506.016.049	21.700.000	9.654,65	(276,02)
25	Ngày 17 Tháng 10	209.838.591.717	21.700.000	9.669,98	15,33
26	Ngày 19 Tháng 10	209.827.571.262	21.700.000	9.669,47	(0,51)
27	Ngày 20 Tháng 10	210.931.995.985	21.700.000	9.720,36	50,89
28	Ngày 21 Tháng 10	212.835.381.285	21.700.000	9.808,08	87,72
29	Ngày 22 Tháng 10	214.186.012.977	21.700.000	9.870,32	62,24
30	Ngày 23 Tháng 10	211.829.860.184	21.700.000	9.761,74	(108,58)
31	Ngày 24 Tháng 10	211.379.436.112	21.700.000	9.740,98	(20,76)
32	Ngày 26 Tháng 10	211.368.360.777	21.700.000	9.740,47	(0,51)
33	Ngày 27 Tháng 10	206.552.886.959	21.700.000	9.518,56	(221,91)
34	Ngày 28 Tháng 10	207.834.656.314	21.700.000	9.577,63	59,07
35	Ngày 29 Tháng 10	211.313.030.525	21.700.000	9.737,92	160,29
36	Ngày 30 Tháng 10	211.012.596.286	21.700.000	9.724,08	(13,84)
37	Ngày 31 Tháng 10	214.883.918.096	21.700.000	9.902,48	178,40
38	Ngày 2 Tháng 11	214.872.599.719	21.700.000	9.901,96	(0,52)
39	Ngày 3 Tháng 11	216.825.547.849	21.700.000	9.991,96	90,00

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

		Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014			
STT	Kỳ tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/ICCCQ	+/- tăng/ (giảm) NAV/ICCCQ
		ròng (NAV) VND [1]	chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
40	Ngày 4 Tháng 11	215.235.565.294	21.700.000	9.918,68	(73,28)
41	Ngày 5 Tháng 11	214.479.912.796	21.700.000	9.883,86	(34,82)
42	Ngày 6 Tháng 11	214.438.456.436	21.700.000	9.881,95	(1,91)
43	Ngày 7 Tháng 11	216.178.539.088	21.700.000	9.962,14	80,19
44	Ngày 9 Tháng 11	216.167.174.601	21.700.000	9.961,62	(0,52)
45	Ngày 10 Tháng 11	221.180.254.655	22.200.000	9.963,07	1,45
46	Ngày 11 Tháng 11	220.875.232.666	22.200.000	9.949,33	(13,74)
47	Ngày 12 Tháng 11	220.819.961.661	22.200.000	9.946,84	(2,49)
48	Ngày 13 Tháng 11	239.580.605.417	24.200.000	9.900,02	(46,82)
49	Ngày 14 Tháng 11	239.204.011.019	24.200.000	9.884,46	(15,56)
50	Ngày 16 Tháng 11	239.191.826.447	24.200.000	9.883,95	(0,51)
51	Ngày 17 Tháng 11	229.050.661.745	23.200.000	9.872,87	(11,08)
52	Ngày 18 Tháng 11	225.695.889.907	23.200.000	9.728,27	(144,60)
53	Ngày 19 Tháng 11	224.186.617.280	23.200.000	9.663,21	(65,06)
54	Ngày 20 Tháng 11	206.537.923.517	21.200.000	9.742,35	79,14
55	Ngày 21 Tháng 11	204.880.326.374	21.200.000	9.664,16	(78,19)
56	Ngày 23 Tháng 11	204.869.364.289	21.200.000	9.663,64	(0,52)
57	Ngày 24 Tháng 11	192.903.204.081	20.200.000	9.549,66	(113,98)
58	Ngày 25 Tháng 11	195.022.926.384	20.200.000	9.654,60	104,94
59	Ngày 26 Tháng 11	192.915.028.225	20.200.000	9.550,24	(104,36)
60	Ngày 27 Tháng 11	192.624.137.347	20.200.000	9.535,84	(14,40)
61	Ngày 28 Tháng 11	191.236.007.189	20.200.000	9.467,12	(68,72)
62	Ngày 30 Tháng 11	191.225.531.036	20.200.000	9.466,61	(0,51)
63	Ngày 1 Tháng 12	192.248.917.951	20.200.000	9.517,27	50,66
64	Ngày 2 Tháng 12	191.972.843.782	20.200.000	9.503,60	(13,67)
65	Ngày 3 Tháng 12	193.756.733.845	20.200.000	9.591,91	88,31
66	Ngày 4 Tháng 12	195.320.214.064	20.200.000	9.669,31	77,40
67	Ngày 5 Tháng 12	195.423.838.438	20.200.000	9.674,44	5,13
68	Ngày 7 Tháng 12	195.413.331.385	20.200.000	9.673,92	(0,52)
69	Ngày 8 Tháng 12	193.904.618.814	20.200.000	9.599,23	(74,69)
70	Ngày 9 Tháng 12	188.905.435.271	20.200.000	9.351,75	(247,48)
71	Ngày 10 Tháng 12	191.059.215.486	20.200.000	9.458,37	106,62
72	Ngày 11 Tháng 12	189.289.304.507	20.200.000	9.370,75	(87,62)
73	Ngày 12 Tháng 12	190.700.155.003	20.200.000	9.440,60	69,85
74	Ngày 14 Tháng 12	190.689.816.191	20.200.000	9.440,08	(0,52)
75	Ngày 15 Tháng 12	188.994.947.054	20.200.000	9.356,18	(83,90)
76	Ngày 16 Tháng 12	185.210.455.313	20.200.000	9.168,83	(187,35)
77	Ngày 17 Tháng 12	178.328.820.124	20.200.000	8.828,15	(340,68)
78	Ngày 18 Tháng 12	181.164.142.442	20.200.000	8.968,52	140,37
79	Ngày 19 Tháng 12	178.577.794.519	20.200.000	8.840,48	(128,04)
80	Ngày 21 Tháng 12	178.567.887.462	20.200.000	8.839,99	(0,49)



**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

STT	Kỳ tính NAV	Từ ngày 18/9/2014 đến ngày 31/12/2014			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	+/- tăng/ (giảm) NAV/1CCQ
81	Ngày 22 Tháng 12	183.853.655.884	20.200.000	9.101,66	261,67
82	Ngày 23 Tháng 12	184.488.968.992	20.200.000	9.133,11	31,45
83	Ngày 24 Tháng 12	184.968.127.567	20.200.000	9.156,83	23,72
84	Ngày 25 Tháng 12	183.090.135.753	20.200.000	9.063,86	(92,97)
85	Ngày 26 Tháng 12	182.197.573.019	20.200.000	9.019,68	(44,18)
86	Ngày 28 Tháng 12	182.147.921.055	20.200.000	9.017,22	(2,46)
87	Ngày 29 Tháng 12	182.470.535.460	20.200.000	9.033,19	15,97
88	Ngày 30 Tháng 12	184.881.651.594	20.200.000	9.152,55	119,36
89	Ngày 31 Tháng 12	188.098.852.929	20.200.000	9.311,82	159,27
• Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ		203.927.134.994		9.706,74	
<b>Biến động NAV trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ trong kỳ</b>					
• Mức Cao Nhất (VND/CCQ)					(340,68)
• Mức Thấp Nhất (VND/CCQ)					(0,49)



*Handwritten signature or mark in blue ink.*



**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

**19. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác**

**(a) Các bên liên quan**

**Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ**

**Từ ngày 18/9/2014  
đến ngày 31/12/2014  
VND**

Phí quản lý Quỹ

381.328.417

---

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 0,65% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

**Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ**

**Từ ngày 18/9/2014  
đến ngày 31/12/2014  
VND**

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

14.625.000

---

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B06 - QM

**(b) Các hợp đồng then chốt khác**

**Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) – Ngân hàng Giám sát**

**Từ ngày 18/9/2014  
đến ngày 31/12/2014  
VND**

Phí lưu ký chứng khoán	54.933.331
Phí giao dịch chứng khoán	500.000
Phí dịch vụ giám sát	49.096.696
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	49.096.696
	153.626.723

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản và phí quản trị Quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Giám sát	• 0,02% NAV mỗi năm
Lưu ký chứng khoán	• NAV dưới 600 tỷ Đồng Việt Nam: 0,06% mỗi năm; • NAV từ 600 tỷ Đồng Việt Nam đến 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,05% mỗi năm; • NAV từ 1.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 0,04% mỗi năm
Quản trị Quỹ	• NAV dưới 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,035% mỗi năm; • NAV từ 1.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 0,025% mỗi năm

Tổng phí giám sát, lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ sẽ tối thiểu là 42 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng trong hai năm đầu tiên. Từ năm thứ ba trở đi, phí tối thiểu này sẽ là 50 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.

Tổng phí giám sát, lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ hàng tháng sẽ tối đa là 0,50% mỗi năm.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát chi phí giao dịch chứng khoán là 100.000 VND cho mỗi giao dịch.

*Handwritten signature*

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### 20. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ

Từ ngày 18/9/2014  
đến ngày 31/12/2014

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động \*100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (\*) 1,39%

Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) / 2 \* Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ 72,10%

(\*) Tổng chi phí hoạt động bằng tổng chi phí hoạt động trong kỳ từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014\*365 ngày/tổng số ngày hoạt động của Quỹ từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 21. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- rủi ro hoạt động.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

#### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.



## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do tính chất ngắn hạn của chúng.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu là chứng khoán của 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các chứng khoán này có tỷ lệ tự do chuyển nhượng và khả năng thanh khoản cao. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>					
Chi phí phải trả	157.440.884	157.440.884	157.440.884	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	166.819.668	166.819.668	166.819.668	-	-
Phải trả, phải nộp khác	30.000.000	30.000.000	30.000.000	-	-
	<b>354.260.552</b>	<b>354.260.552</b>	<b>354.260.552</b>	-	-

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### (c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### (i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

#### (ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

#### (iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 187.506.904.000 Đồng Việt Nam. Trong giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tỉ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN30 cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 19%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 19% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lỗ thuần trong năm của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 35.626.311.760 Đồng Việt Nam và theo đó giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 35.626.311.760 Đồng Việt Nam.

## Quỹ ETF VFMVN30

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

### (d) Rủi ro hoạt động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số VN30 và Công ty quản lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có thể phát sinh sai lệch do Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN30 do hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cơ cấu lại danh mục của chỉ số tham chiếu VN30 theo định kỳ sáu tháng/1 lần. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu liên tục trong ba tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ không thể thực hiện việc mua bán.

### (e) Giá trị hợp lý

#### (i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>		
▪ Các khoản đầu tư	187.506.904.000	187.506.904.000
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	876.588.148	876.588.148
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	69.488.000	69.488.000
▪ Các khoản phải thu khác	133.333	133.333
	<hr/>	<hr/>
	188.453.113.481	188.453.113.481
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Chi phí phải trả	157.440.884	157.440.884
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	166.819.668	166.819.668
▪ Phải trả, phải nộp khác	30.000.000	30.000.000
	<hr/>	<hr/>
	354.260.552	354.260.552



## **Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

### **(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## **22. Số liệu so sánh**

Không có số liệu so sánh vì đây là báo cáo tài chính đầu tiên được lập kể từ ngày thành lập Quỹ.

## **23. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Không có khoản điều chỉnh nào được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và trong kỳ kết thúc cùng ngày cho báo cáo tài chính này.

**Quỹ ETF VFMVN30**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 - QM**

**24. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 31 tháng 1 năm 2015.

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)



Bà Lê Sỹ Hoàng  
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ  
Đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc